

**DANH SÁCH HỌC SINH CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 18/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	18000410	Nguyễn Huỳnh	Anh	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
2	18001152	Nguyễn Hoài Tú	Chi	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
3	18001053	Lộ Minh	Hiếu	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
4	18001427	Ngô Văn	Huỳnh	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
5	18003006	Nguyễn Bảo	Khang	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
6	18002640	Dương Gia	Kiều	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
7	18000973	Vũ Thanh	Lan	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
8	18001084	Nguyễn Thị Ly	Ly	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
9	18000962	Bùi Cao Kiêu	Ngân	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
10	18005243	Nguyễn Minh	Phương	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
11	18004954	T Sần Hoa	Phương	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
12	18001362	Lê Thị Diễm	Quyên	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
13	18003378	Nguyễn Thị Bích	Quyên	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
14	18003627	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
15	18005370	Lưu Bá	Sơn	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
16	18001072	Phan Anh	Thư	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
17	18000733	Huỳnh Khả	Trân	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
18	18001154	Nguyễn Đào Tuyết	Trang	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
19	18001132	Nguyễn Ngọc Thiên	Trang	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
20	18002254	Huỳnh Thị	Vy	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	
21	18000529	Nguyễn Ngọc Phương	Vy	18T4-KTD1	5,356,000	140,000	5,496,000	